

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp  
Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày  
ngày 30 tháng 6 năm 2010

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thông tin Công ty**

|                      |                          |                                                    |
|----------------------|--------------------------|----------------------------------------------------|
| <b>Quyết định số</b> | 3448/QĐ-UB<br>3449/QĐ-UB | ngày 9 tháng 7 năm 2004<br>ngày 9 tháng 7 năm 2004 |
|----------------------|--------------------------|----------------------------------------------------|

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

|                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Giấy phép Kinh doanh</b> | Số 4103002955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2004, điều chỉnh lại ngày 13 tháng 5 năm 2005, ngày 12 tháng 12 năm 2006, ngày 13 tháng 12 năm 2006, ngày 30 tháng 3 năm 2007, ngày 4 tháng 11 năm 2008 và ngày 15 tháng 10 năm 2009. Vào ngày 15 tháng 10 năm 2009, Giấy phép Kinh doanh được chỉnh sửa lần thứ 6 và thay đổi số giấy phép kinh doanh thành số 0301154821. |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                          |                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                    |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Hội đồng Quản trị</b> | Ông Nguyễn Vĩnh Thọ<br>Ông Nguyễn Bình Minh<br>Ông Tạ Phước Đạt<br>Ông Võ Hiễn<br>Ông Tề Trí Dũng<br>Ông Lương Quang Hiễn<br>Bà Hoàng Thị Thảo<br>Ông Lê Điền<br>Ông Lê Hùng | Chủ tịch<br>Thành viên<br>Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)<br>Thành viên<br>Thành viên<br>Thành viên<br>Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)<br>Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)<br>Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010) |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                     |                                                                                                                         |                                                                                                                        |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ban Giám đốc</b> | Ông Nguyễn Vĩnh Thọ<br>Ông Nguyễn Bình Minh<br>Ông Tạ Phước Đạt<br>Ông Võ Hiễn<br>Ông Phan Tuấn Dũng<br>Ông Mai Việt Hà | Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Phó Tổng Giám đốc |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                      |                                                                                          |                                                                                                                   |
|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ban Kiểm soát</b> | Ông Lê Xuân Đức<br>Bà Nguyễn Phương Loan<br>Ông Nguyễn Phúc Hưng<br>Ông Nguyễn Công Bình | Trưởng ban<br>Thành viên<br>Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)<br>Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010) |
|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                       |                                                                   |
|-----------------------|-------------------------------------------------------------------|
| <b>Trụ sở đăng ký</b> | 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa<br>Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh<br>Việt Nam |
|-----------------------|-------------------------------------------------------------------|

|                         |                               |
|-------------------------|-------------------------------|
| <b>Đơn vị kiểm toán</b> | Công ty TNHH KPMG<br>Việt Nam |
|-------------------------|-------------------------------|



**KPMG Limited**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ VIỆC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Phạm vi soát xét**

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 và các thuyết minh kèm theo đã được Ban Điều hành Công ty phê duyệt vào ngày 14 tháng 8 năm 2010. Ban Điều hành có trách nhiệm lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này. Trách nhiệm của chúng tôi là phát hành báo cáo về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận**

Dựa trên công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện gì để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính riêng không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2010; kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 và các luồng lưu chuyển tiền cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các quy định pháp lý liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam**

**Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345**

**Báo cáo soát xét số: 10-01-244**



**Trần Đình Vĩnh**

**Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0339/KTV**

**Phó Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Thanh Nghị**

**Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0304/KTV**

**Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2010**

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010**

|                                           | <b>Mã<br/>số</b> | <b>Thuyết<br/>minh</b> | <b>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>31/12/2009<br/>VNĐ</b> |
|-------------------------------------------|------------------|------------------------|--------------------------|---------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                            |                  |                        |                          |                           |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>                   | <b>100</b>       |                        | <b>145.376.611.639</b>   | <b>198.127.030.774</b>    |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b>       | <b>3</b>               | <b>6.931.181.996</b>     | <b>44.870.931.665</b>     |
| <b>Đầu tư ngắn hạn</b>                    | <b>120</b>       | <b>4</b>               | <b>37.833.897.088</b>    | <b>35.631.232.088</b>     |
| Đầu tư ngắn hạn                           | 121              |                        | 53.015.561.088           | 52.920.232.088            |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn         | 129              |                        | (15.181.664.000)         | (17.289.000.000)          |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b>       |                        | <b>88.789.897.063</b>    | <b>107.316.124.748</b>    |
| Phải thu thương mại                       | 131              | 5                      | 11.353.559.045           | 12.315.909.336            |
| Trả trước cho người bán                   | 132              | 6                      | 55.539.838.708           | 50.858.139.326            |
| Phải thu khác                             | 135              | 7                      | 30.789.540.842           | 53.035.117.618            |
| Dự phòng phải thu khó đòi                 | 139              |                        | (8.893.041.532)          | (8.893.041.532)           |
| <b>Hàng tồn kho</b>                       | <b>140</b>       | <b>8</b>               | <b>8.677.568.338</b>     | <b>7.762.208.117</b>      |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b>       |                        | <b>3.144.067.154</b>     | <b>2.546.534.156</b>      |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151              |                        | 227.389.616              | 276.030.000               |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       | 152              |                        | 568.257.538              | 982.404.156               |
| Thuế thu nhập đã trả                      | 154              |                        | 300.000.000              | -                         |
| Tài sản ngắn hạn khác                     | 158              |                        | 2.048.420.000            | 1.288.100.000             |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

|                                   | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>31/12/2009<br/>VNĐ</b> |
|-----------------------------------|--------------|--------------------|--------------------------|---------------------------|
| <b>Tài sản dài hạn</b>            | <b>200</b>   |                    | <b>1.231.399.706.169</b> | <b>1.195.720.783.652</b>  |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b> | <b>210</b>   |                    | <b>4.345.621.247</b>     | <b>5.906.653.139</b>      |
| Phải thu khác                     | 218          |                    | 4.345.621.247            | 5.906.653.139             |
| <b>Tài sản cố định</b>            | <b>220</b>   |                    | <b>336.945.352.262</b>   | <b>325.493.635.341</b>    |
| Tài sản cố định hữu hình          | 221          | 9                  | 4.254.683.594            | 4.602.055.814             |
| <i>Nguyên giá</i>                 | 222          |                    | 10.422.816.016           | 10.319.663.198            |
| <i>Khấu hao lũy kế</i>            | 223          |                    | (6.168.132.422)          | (5.717.607.384)           |
| Tài sản cố định vô hình           | 221          | 10                 | 45.419.056.536           | 45.739.710.372            |
| <i>Nguyên giá</i>                 | 222          |                    | 46.648.229.490           | 46.648.229.490            |
| <i>Phân bổ lũy kế</i>             | 223          |                    | (1.229.172.954)          | (908.519.118)             |
| Xây dựng cơ bản dở dang           | 230          | 11                 | 287.271.612.132          | 275.151.869.155           |
| <b>Bất động sản đầu tư</b>        | <b>240</b>   | <b>12</b>          | <b>98.435.134.553</b>    | <b>97.802.040.681</b>     |
| <i>Nguyên giá</i>                 | 241          |                    | 115.808.292.204          | 113.259.450.328           |
| <i>Khấu hao lũy kế</i>            | 242          |                    | (17.373.157.651)         | (15.457.409.647)          |
| <b>Đầu tư dài hạn</b>             | <b>250</b>   | <b>13</b>          | <b>779.561.749.772</b>   | <b>754.986.602.823</b>    |
| Đầu tư vào công ty con            | 251          |                    | 110.610.467.883          | 106.960.467.883           |
| Đầu tư vào công ty liên kết       | 252          |                    | 223.800.194.279          | 220.860.194.279           |
| Các đầu tư dài hạn khác           | 258          |                    | 528.013.192.920          | 517.266.465.887           |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn  | 259          |                    | (82.862.105.310)         | (90.100.525.226)          |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>       | <b>260</b>   |                    | <b>12.111.848.335</b>    | <b>11.531.851.668</b>     |
| Chi phí trả trước dài hạn         | 261          |                    | 86.608.925               | 120.913.381               |
| Tài sản thuế hoãn lại             | 262          | 14                 | 10.399.459.410           | 10.902.658.287            |
| Tài sản dài hạn khác              | 268          |                    | 1.625.780.000            | 508.280.000               |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>               | <b>270</b>   |                    | <b>1.376.776.317.808</b> | <b>1.393.847.814.426</b>  |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

|                                  | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>31/12/2009<br/>VNĐ</b> |
|----------------------------------|--------------|--------------------|--------------------------|---------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                 |              |                    |                          |                           |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>               | <b>300</b>   |                    | <b>758.441.040.331</b>   | <b>759.045.972.108</b>    |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>               | <b>310</b>   |                    | <b>339.974.785.813</b>   | <b>165.987.429.736</b>    |
| Vay ngắn hạn                     | 311          | 15                 | 259.937.151.408          | 72.483.112.000            |
| Phải trả thương mại              | 312          |                    | 1.644.356.965            | 2.594.170.421             |
| Khách hàng tạm ứng               | 313          |                    | 1.947.724.343            | 711.306.821               |
| Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước | 314          | 16                 | 805.454.321              | 9.718.321.664             |
| Phải trả cho nhân viên           | 315          |                    | 27.691.591.666           | 31.307.460.190            |
| Chi phí trích trước              | 316          | 17                 | 3.583.879.695            | 5.232.545.239             |
| Phải trả khác                    | 319          | 18                 | 38.216.755.209           | 39.071.668.171            |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi      | 323          | 19                 | 6.147.872.206            | 4.868.845.230             |
| <b>Nợ dài hạn</b>                | <b>330</b>   |                    | <b>418.466.254.518</b>   | <b>593.058.542.372</b>    |
| Các khoản phải trả dài hạn khác  | 333          | 20                 | 128.175.197.962          | 138.244.946.276           |
| Vay dài hạn                      | 334          | 21                 | 133.397.014.075          | 297.008.010.954           |
| Doanh thu chưa thực hiện         | 338          | 22                 | 156.894.042.481          | 157.805.585.142           |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>            | <b>400</b>   |                    | <b>618.335.277.477</b>   | <b>634.801.842.318</b>    |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>            | <b>410</b>   |                    | <b>618.335.277.477</b>   | <b>634.801.842.318</b>    |
| Vốn cổ phần                      | 411          | 23                 | 249.955.730.000          | 249.955.730.000           |
| Thặng dư vốn cổ phần             | 412          |                    | 317.064.858.303          | 317.064.858.303           |
| Cổ phiếu ngân quỹ                | 414          | 23                 | (467.729.002)            | (16.000)                  |
| Quỹ đầu tư và phát triển         | 417          |                    | 14.731.614.307           | 14.731.614.307            |
| Quỹ dự phòng tài chính           | 418          |                    | 5.218.459.791            | 5.218.459.791             |
| Lợi nhuận chưa phân phối         | 420          |                    | 31.832.344.078           | 47.831.195.917            |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>            | <b>440</b>   |                    | <b>1.376.776.317.808</b> | <b>1.393.847.814.426</b>  |

Người lập:

*[Chữ ký]*

Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng



Người duyệt:

*[Chữ ký]*  
Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**

|                                                 | Mã số     | Thuyết minh | Kỳ ba tháng kết thúc ngày<br>30/6/2010<br>VNĐ | Kỳ ba tháng kết thúc ngày<br>30/6/2009<br>VNĐ | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày<br>30/6/2010<br>VNĐ | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày<br>30/6/2009<br>VNĐ |
|-------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| <b>Tổng doanh thu</b>                           | <b>01</b> | <b>24</b>   | <b>32.957.998.657</b>                         | <b>49.370.483.719</b>                         | <b>58.563.763.129</b>                          | <b>85.703.479.966</b>                          |
| <b>Các khoản giảm trừ</b>                       | <b>02</b> |             | <b>(17.081.840)</b>                           | <b>(30.702.212)</b>                           | <b>(37.717.466)</b>                            | <b>(58.090.112)</b>                            |
| <b>Doanh thu thuần</b>                          | <b>10</b> |             | <b>32.940.916.817</b>                         | <b>49.339.781.507</b>                         | <b>58.526.045.663</b>                          | <b>85.645.389.854</b>                          |
| <b>Giá vốn hàng bán</b>                         | <b>11</b> | <b>25</b>   | <b>(27.253.202.668)</b>                       | <b>(13.002.097.927)</b>                       | <b>(45.785.594.139)</b>                        | <b>(26.305.894.658)</b>                        |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>                            | <b>20</b> |             | <b>5.687.714.149</b>                          | <b>36.337.683.580</b>                         | <b>12.740.451.524</b>                          | <b>59.339.495.196</b>                          |
| Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21        | 26          | 12.612.253.549                                | 6.534.583.741                                 | 15.606.013.967                                 | 6.703.569.639                                  |
| Chi phí hoạt động tài chính                     | 22        | 27          | (698.784.498)                                 | (9.261.084.602)                               | (7.185.742.063)                                | (20.907.562.349)                               |
| Chi phí bán hàng                                | 24        |             | (564.800.593)                                 | (352.536.962)                                 | (1.135.044.099)                                | (664.354.467)                                  |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25        |             | (5.235.057.200)                               | (4.874.255.352)                               | (10.270.794.607)                               | (8.980.235.769)                                |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>  | <b>30</b> |             | <b>11.801.325.407</b>                         | <b>28.384.390.405</b>                         | <b>9.754.884.722</b>                           | <b>35.490.912.250</b>                          |
| <b>Kết quả các hoạt động khác</b>               | <b>40</b> |             |                                               |                                               |                                                |                                                |
| Thu nhập khác                                   | 31        | 28          | 1.198.460.452                                 | 289.543.108                                   | 6.911.585.748                                  | 1.092.027.749                                  |
| Chi phí khác                                    | 32        |             | (533.057)                                     | (20.000.461)                                  | (765.277.742)                                  | (615.455.001)                                  |
| <b>Lợi nhuận trước thuế mang sang trang sau</b> | <b>50</b> |             | <b>12.999.252.802</b>                         | <b>28.653.933.052</b>                         | <b>15.901.192.728</b>                          | <b>35.967.484.998</b>                          |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

|                                 | Mã số | Thuyết minh | Kỳ ba tháng kết thúc ngày<br>30/6/2010 VND |                 | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày<br>30/6/2010 VND |                 | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày<br>30/6/2009 VND |  |
|---------------------------------|-------|-------------|--------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------|--|
| Lợi nhuận trước thuế            | 50    |             | 12.999.252.802                             | 28.653.933.052  | 15.901.192.728                              | 35.967.484.998  |                                             |  |
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành | 51    | 29          | -                                          | (5.126.521.753) | -                                           | (9.438.083.070) |                                             |  |
| Chi phí thuế thu nhập hoãn lại  | 52    | 29          | (503.198.877)                              | (2.609.727.038) | (503.198.877)                               | (2.609.727.038) |                                             |  |
| Lợi nhuận thuần sau thuế        | 60    |             | 12.496.053.925                             | 20.917.684.261  | 15.397.993.851                              | 23.919.674.890  |                                             |  |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu        | 70    | 30          | 500                                        | 1.039           | 616                                         | 1.187           |                                             |  |

Người lập:



Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2010

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**

|                                           | Vốn cổ phần<br>VNĐ | Thặng dư vốn<br>cổ phần<br>VNĐ | Cổ phiếu<br>ngân quỹ<br>VNĐ | Quỹ đầu tư và<br>phát triển<br>VNĐ | Chênh lệch tỷ<br>giá hối đoái<br>VNĐ | Quỹ dự phòng<br>tài chính<br>VNĐ | Lợi nhuận chưa<br>phân phối<br>VNĐ | Tổng<br>VNĐ      |
|-------------------------------------------|--------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------|
| <b>Số dư ngày 1 tháng 7 năm 2009</b>      | 203.610.400.000    | 180.876.300.000                | (3.544.746.277)             | 14.731.614.307                     | 1.570.229                            | 5.218.459.791                    | 57.689.206.875                     | 458.582.804.925  |
| Phát hành cổ phiếu                        | 46.345.330.000     | 136.188.558.303                | -                           | -                                  | -                                    | -                                | -                                  | 182.533.888.303  |
| Cổ phiếu quỹ phát hành lại                | -                  | -                              | 3.544.730.277               | -                                  | -                                    | -                                | -                                  | 3.544.730.277    |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ                  | -                  | -                              | -                           | -                                  | -                                    | -                                | 2.639.775.042                      | 2.639.775.042    |
| Cổ tức                                    | -                  | -                              | -                           | -                                  | -                                    | -                                | (12.497.786.000)                   | (12.497.786.000) |
| Giảm khác                                 | -                  | -                              | -                           | -                                  | (1.570.229)                          | -                                | -                                  | (1.570.229)      |
| <b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>    | 249.955.730.000    | 317.064.858.303                | (16.000)                    | 14.731.614.307                     | -                                    | 5.218.459.791                    | 47.831.195.917                     | 634.801.842.318  |
| Cổ phiếu quỹ mua lại                      | -                  | -                              | (467.713.002)               | -                                  | -                                    | -                                | -                                  | (467.713.002)    |
| Lợi nhuận thuần trong năm                 | -                  | -                              | -                           | -                                  | -                                    | -                                | 15.397.993.851                     | 15.397.993.851   |
| Phân bổ cho quỹ khen thưởng và phúc lợi   | -                  | -                              | -                           | -                                  | -                                    | -                                | (5.604.490.192)                    | (5.604.490.192)  |
| Cổ tức (Thuyết minh 31)                   | -                  | -                              | -                           | -                                  | -                                    | -                                | (24.995.572.000)                   | (24.995.572.000) |
| Phí cho Hội đồng Quản trị                 | -                  | -                              | -                           | -                                  | -                                    | -                                | (796.783.498)                      | (796.783.498)    |
| <b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2010</b> | 249.955.730.000    | 317.064.858.303                | (467.729.002)               | 14.731.614.307                     | -                                    | 5.218.459.791                    | 31.832.344.078                     | 618.335.277.477  |

Người lập:

Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Vinh Thọ  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**

|                                                                            | <b>Mã<br/>số</b> | <b>Thuyết<br/>minh</b> | <b>Kỳ sáu tháng kết<br/>thúc ngày<br/>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>Kỳ sáu tháng<br/>kết thúc ngày<br/>30/6/2009<br/>VNĐ</b> |
|----------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                             |                  |                        |                                                             |                                                             |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                                | <b>01</b>        |                        | <b>15.901.192.728</b>                                       | <b>35.967.484.998</b>                                       |
| <b>Điều chỉnh cho</b>                                                      |                  |                        |                                                             |                                                             |
| Khấu hao và phân bổ                                                        | 02               |                        | 2.686.926.878                                               | 2.858.057.798                                               |
| Các khoản dự phòng                                                         | 03               |                        | (9.345.755.916)                                             | (26.279.258.321)                                            |
| (Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản                                               | 05               |                        | (3.032.295.315)                                             | 298.180.220                                                 |
| Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức                                            | 05               |                        | (5.433.876.009)                                             | (3.999.714.988)                                             |
| (Lợi nhuận)/lỗ từ hoạt động đầu tư khác                                    | 05               |                        | (124.000.000)                                               | 27.026.743.050                                              |
| Chi phí lãi vay                                                            | 06               |                        | 15.986.082.226                                              | 15.952.165.462                                              |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b> | <b>08</b>        |                        | <b>16.638.274.592</b>                                       | <b>51.823.658.219</b>                                       |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác                      | 09               |                        | 19.213.365.687                                              | 13.463.933.075                                              |
| Biến động hàng tồn kho                                                     | 10               |                        | (915.360.221)                                               | 795.648.238                                                 |
| Biến động các khoản phải trả và nợ khác                                    | 11               |                        | (9.273.441.088)                                             | 21.390.223.642                                              |
|                                                                            |                  |                        | <b>25.662.838.970</b>                                       | <b>87.473.463.174</b>                                       |
| Lãi vay đã trả                                                             | 13               |                        | (14.730.401.751)                                            | (10.664.150.909)                                            |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                          | 14               |                        | (9.237.419.136)                                             | (2.405.422.232)                                             |
| Chi khác cho hoạt động kinh doanh                                          | 16               |                        | (1.487.862.647)                                             | (18.739.882.657)                                            |
| <b>Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh</b>                              | <b>20</b>        |                        | <b>207.155.436</b>                                          | <b>55.664.007.376</b>                                       |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

|                                                         | <b>Mã<br/>số</b> | <b>Thuyết<br/>minh</b> | <b>Kỳ sáu tháng kết<br/>thúc ngày<br/>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>Kỳ sáu tháng<br/>kết thúc ngày<br/>30/6/2009<br/>VNĐ</b> |
|---------------------------------------------------------|------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>          |                  |                        |                                                             |                                                             |
| Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác         | 21               |                        | (15.058.646.008)                                            | (12.085.121.194)                                            |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22               |                        | 3.797.040.000                                               | 545.454.540                                                 |
| Thu thuần từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán       |                  |                        | 124.000.000                                                 | 587.922.000                                                 |
| Chi cho đầu tư dài hạn khác                             |                  |                        | (17.486.727.033)                                            | (15.322.515.194)                                            |
| Thu từ đầu tư dài hạn khác                              | 25               |                        | 150.000.000                                                 | -                                                           |
| Thu lãi tiền gửi và cổ tức                              | 27               |                        | 4.353.876.009                                               | 4.006.544.239                                               |
| <b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>              | <b>30</b>        |                        | <b>(24.120.457.032)</b>                                     | <b>(20.586.625.198)</b>                                     |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>           |                  |                        |                                                             |                                                             |
| Mua lại cổ phiếu quỹ                                    | 32               |                        | (467.713.002)                                               | -                                                           |
| Thu từ nợ vay ngắn hạn và dài hạn                       | 33               |                        | 360.251.366.820                                             | 67.057.978.590                                              |
| Thanh toán nợ                                           | 34               |                        | (336.408.324.291)                                           | (78.633.363.495)                                            |
| Chi trả cổ tức                                          | 36               |                        | (37.401.777.600)                                            | (5.294.843.804)                                             |
| <b>Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính</b>           | <b>40</b>        |                        | <b>(14.026.448.073)</b>                                     | <b>(16.870.228.709)</b>                                     |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

|                                            | Mã số | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ |
|--------------------------------------------|-------|-------------|------------------------------------------|------------------------------------------|
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ             | 50    |             | (37.939.749.669)                         | 18.207.153.469                           |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ  | 60    |             | 44.870.931.665                           | 11.077.062.364                           |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ | 70    | 3           | 6.931.181.996                            | 29.284.215.833                           |

Người lập:



Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2010

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ - Thương mại: Tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa, bảo trì theo tiêu chuẩn quốc tế về ô tô, xe gắn máy và linh kiện phụ tùng các loại, với các nhãn hiệu ô tô như Toyota, Ford, GM-Daewoo, Suzuki, Hyundai và các nhãn hiệu xe gắn máy SYM, Suzuki, Yamaha; cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế bên cạnh việc phát triển các hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi, tổ chức hệ thống máy bán lẻ tự động;
- Dịch vụ bất động sản: Đầu tư, hợp tác, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, khu biệt thự, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: Đầu tư vốn vào những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như: dịch vụ - thương mại, bất động sản, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2009.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 Công ty có 134 nhân viên (31/12/2009: 128 nhân viên).

## **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.



## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Các báo cáo tài chính này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Đầu tư vào các công ty con, liên doanh và liên kết được phản ánh theo nguyên giá. Công ty lập các báo cáo tài chính hợp nhất trong đó hợp nhất các báo cáo của Công ty và của các công ty con và phát hành riêng.

#### **(b) Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng VAS 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

#### **(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(e) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn**

##### **(i) Phân loại**

Công ty phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Công ty với những công ty là đối tượng đầu tư.

##### **(ii) Ghi nhận**

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Công ty ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

#### **(iii) Xác định giá trị**

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

#### **(iv) Giảm giá**

Dự phòng giảm giá chứng khoán có giao dịch phổ biến trên thị trường được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(v) Chấm dứt ghi nhận**

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

#### **(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp giá đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

#### **(h) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 6 – 42 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 2 – 7 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 6 năm  |

#### **(i) Tài sản cố định vô hình**

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

#### **(j) Bất động sản đầu tư**

##### **(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên tiêu chuẩn hoạt động đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 6 – 22 năm

#### **(k) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng.

#### **(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

#### **(m) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

#### **(n) Thuế**

Thuế thu nhập tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ thực hiện được.

#### **(o) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Phân bổ được trích lập mỗi năm cho các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

#### **(p) Doanh thu**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

##### **(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iii) Doanh thu cho thuê**

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê đã chi trả được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

#### **(iv) Thu nhập cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### **(v) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán**

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

#### **(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

#### **(s) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

#### **(t) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết và cổ đông có khả năng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đến Công ty, các công ty con, công ty liên kết của công ty đó.

#### **(u) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                            | <b>30/6/2010</b> | <b>31/12/2009</b> |
|----------------------------|------------------|-------------------|
|                            | <b>VNĐ</b>       | <b>VNĐ</b>        |
| Tiền mặt                   | 1.751.560.879    | 995.753.349       |
| Tiền gửi ngân hàng         | 5.179.621.117    | 6.875.178.316     |
| Các khoản tương đương tiền | -                | 37.000.000.000    |
|                            | <hr/>            | <hr/>             |
|                            | 6.931.181.996    | 44.870.931.665    |
|                            | <hr/>            | <hr/>             |

Trong tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 có số ngoại tệ tương đương 57 triệu VNĐ (31/12/2009: 55 triệu VNĐ).

**4. Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

|                        | <b>Kỳ sáu tháng kết</b>    | <b>Kỳ sáu tháng kết</b> |
|------------------------|----------------------------|-------------------------|
|                        | <b>thức ngày 30/6/2010</b> | <b>thức ngày</b>        |
|                        | <b>VNĐ</b>                 | <b>30/6/2009</b>        |
|                        |                            | <b>VNĐ</b>              |
| Số dư đầu kỳ           | 17.289.000.000             | 20.528.941.608          |
| Tăng dự phòng trong kỳ | 1.040.475.000              | 22.772.850.930          |
| Hoàn nhập              | (3.147.811.000)            | (20.528.939.888)        |
|                        | <hr/>                      | <hr/>                   |
| Số dư cuối kỳ          | 15.181.664.000             | 22.772.852.650          |
|                        | <hr/>                      | <hr/>                   |

Trong các khoản đầu tư ngắn hạn có khoản đầu tư với giá trị ghi sổ là 25.204 triệu VNĐ (31/12/2009: 28.204 triệu VNĐ) chưa được niêm yết hoặc giao dịch rộng rãi trên thị trường.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**5. Phải thu thương mại**

Phải thu thương mại từ các bên liên quan tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 6.819 triệu VNĐ (31/12/2009: 4.778 triệu VNĐ).

**6. Trả trước cho người bán**

Trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 48.530 triệu VNĐ (31/12/2009: 48.030 triệu VNĐ).

**7. Phải thu khác**

Phải thu khác từ các bên liên quan tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 25.065 triệu VNĐ (31/12/2009: 32.107 triệu VNĐ).

**8. Hàng tồn kho**

|          | <b>30/6/2010</b> | <b>31/12/2009</b> |
|----------|------------------|-------------------|
|          | <b>VNĐ</b>       | <b>VNĐ</b>        |
| Vật tư   | 107.871.381      | 52.088.606        |
| Hàng hóa | 8.569.696.957    | 7.710.119.511     |
|          | <hr/>            | <hr/>             |
|          | 8.677.568.338    | 7.762.208.117     |
|          | <hr/>            | <hr/>             |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

|                        | <b>Nhà cửa<br/>VNĐ</b> | <b>Thiết bị<br/>văn phòng<br/>VNĐ</b> | <b>Phương tiện<br/>vận chuyển<br/>VNĐ</b> | <b>Tổng<br/>VNĐ</b> |
|------------------------|------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                        |                                       |                                           |                     |
| Số dư đầu kỳ           | 5.030.443.103          | 2.350.066.301                         | 2.939.153.794                             | 10.319.663.198      |
| Tăng trong kỳ          | -                      | 103.152.818                           | -                                         | 103.152.818         |
| Số dư cuối kỳ          | 5.030.443.103          | 2.453.219.119                         | 2.939.153.794                             | 10.422.816.016      |
| <b>Khấu hao lũy kế</b> |                        |                                       |                                           |                     |
| Số dư đầu kỳ           | 2.653.519.397          | 1.348.016.952                         | 1.716.071.035                             | 5.717.607.384       |
| Khấu hao trong kỳ      | 106.929.138            | 164.054.672                           | 179.541.228                               | 450.525.038         |
| Số dư cuối kỳ          | 2.760.448.535          | 1.512.071.624                         | 1.895.612.263                             | 6.168.132.422       |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                        |                                       |                                           |                     |
| Số dư đầu kỳ           | 2.376.923.706          | 1.002.049.349                         | 1.223.082.759                             | 4.602.055.814       |
| Số dư cuối kỳ          | 2.269.994.568          | 941.147.495                           | 1.043.541.531                             | 4.254.683.594       |

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 1.829 triệu VNĐ đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (31/12/2009: 1.829 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ 239 triệu VNĐ (31/12/2009: 1.672 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định vô hình**

|                         | <b>Quyền sử dụng<br/>đất vô thời hạn<br/>VNĐ</b> | <b>Quyền sử dụng<br/>đất có thời hạn<br/>VNĐ</b> | <b>Tổng<br/>VNĐ</b> |
|-------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------|
| <b>Nguyên giá</b>       |                                                  |                                                  |                     |
| Số dư đầu kỳ và cuối kỳ | 14.634.054.300                                   | 32.014.175.190                                   | 46.648.229.490      |
| <b>Phân bổ lũy kế</b>   |                                                  |                                                  |                     |
| Số dư đầu kỳ            | -                                                | 908.519.118                                      | 908.519.118         |
| Phân bổ trong kỳ        | -                                                | 320.653.836                                      | 320.653.836         |
| Số dư cuối kỳ           | -                                                | 1.229.172.954                                    | 1.229.172.954       |
| <b>Giá trị còn lại</b>  |                                                  |                                                  |                     |
| Số dư đầu kỳ            | 14.634.054.300                                   | 31.105.656.072                                   | 45.739.710.372      |
| Số dư cuối kỳ           | 14.634.054.300                                   | 30.785.002.236                                   | 45.419.056.536      |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 14.634 triệu VNĐ (31/12/2009: 45.739 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

|                                 | <b>Kỳ sáu tháng kết<br/>thúc ngày<br/>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>Kỳ sáu tháng kết<br/>thúc ngày<br/>30/6/2009<br/>VNĐ</b> |
|---------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Số dư đầu kỳ                    | 275.151.869.155                                             | 250.500.312.052                                             |
| Tăng trong kỳ                   | 15.433.329.538                                              | 10.771.303.897                                              |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | (2.548.841.876)                                             | (818.300.400)                                               |
| Thanh lý                        | (764.744.685)                                               | -                                                           |
| Số dư cuối kỳ                   | 287.271.612.132                                             | 260.453.315.549                                             |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ 166.114 triệu VNĐ (31/12/2009: 161.013 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

Trong kỳ, tổng chi phí vay đã được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 9.006 triệu VNĐ (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2009: 9.040 triệu VNĐ).

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**12. Bất động sản đầu tư**

|                                   | <b>Quyền sử dụng đất<br/>VNĐ</b> | <b>Nhà cửa<br/>VNĐ</b> | <b>Tổng<br/>VNĐ</b> |
|-----------------------------------|----------------------------------|------------------------|---------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                 |                                  |                        |                     |
| Số dư đầu kỳ                      | 57.306.554.900                   | 55.952.895.428         | 113.259.450.328     |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | -                                | 2.548.841.876          | 2.548.841.876       |
|                                   |                                  |                        |                     |
| Số dư cuối kỳ                     | 57.306.554.900                   | 58.501.737.304         | 115.808.292.204     |
|                                   |                                  |                        |                     |
| <b>Khấu hao lũy kế</b>            |                                  |                        |                     |
| Số dư đầu kỳ                      | -                                | 15.457.409.647         | 15.457.409.647      |
| Khấu hao trong kỳ                 | -                                | 1.915.748.004          | 1.915.748.004       |
|                                   |                                  |                        |                     |
| Số dư cuối kỳ                     | -                                | 17.373.157.651         | 17.373.157.651      |
|                                   |                                  |                        |                     |
| <b>Giá trị còn lại</b>            |                                  |                        |                     |
| Số dư đầu kỳ                      | 57.306.554.900                   | 40.495.485.781         | 97.802.040.681      |
| Số dư cuối kỳ                     | 57.306.554.900                   | 41.128.579.653         | 98.435.134.553      |

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được xác định bởi không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 4.893 triệu VNĐ đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (31/12/2009: 4.893 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ 77.395 triệu VNĐ (31/12/2009: 83.487 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

**13. Đầu tư dài hạn**

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

|                                    | <b>30/6/2010</b><br><b>VNĐ</b> | <b>31/12/2009</b><br><b>VNĐ</b> |
|------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào: |                                |                                 |
| ▪ Các công ty con                  | 110.610.467.883                | 106.960.467.883                 |
| ▪ Các công ty liên kết             | 223.800.194.279                | 220.860.194.279                 |
| Trái phiếu kho bạc dài hạn         | -                              | 150.000.000                     |
| Các khoản đầu tư dài hạn khác      | 528.013.192.920                | 517.116.465.887                 |
|                                    | <hr/>                          | <hr/>                           |
|                                    | 862.423.855.082                | 845.087.128.049                 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn   | (82.862.105.310)               | (90.100.525.226)                |
|                                    | <hr/>                          | <hr/>                           |
|                                    | 779.561.749.772                | 754.986.602.823                 |
|                                    | <hr/>                          | <hr/>                           |

Trong đầu tư dài hạn khác có các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các đơn vị khác (niêm yết và không niêm yết).

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

|                        | <b>Kỳ sáu tháng kết</b><br><b>thúc ngày</b><br><b>30/6/2010</b><br><b>VNĐ</b> | <b>Kỳ sáu tháng kết</b><br><b>thúc ngày</b><br><b>30/6/2009</b><br><b>VNĐ</b> |
|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Số dư đầu kỳ           | 90.100.525.226                                                                | 116.765.702.654                                                               |
| Tăng dự phòng trong kỳ | 8.891.650.996                                                                 | -                                                                             |
| Hoàn nhập              | (16.130.070.912)                                                              | (28.523.169.363)                                                              |
|                        | <hr/>                                                                         | <hr/>                                                                         |
| Số dư cuối kỳ          | 82.862.105.310                                                                | 88.242.533.291                                                                |
|                        | <hr/>                                                                         | <hr/>                                                                         |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 đầu tư vào công ty liên kết với mệnh giá 13.713 triệu VNĐ, đầu tư dài hạn khác (cổ phiếu) với mệnh giá 90.268 triệu VNĐ và đầu tư dài hạn khác (các dự án) với giá trị ghi sổ 51.334 triệu VNĐ (31/12/2009: lần lượt là 13.713 triệu VNĐ 60.730 triệu VNĐ, và 40.103 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết như sau:

| Tên                                                                          | Hoạt động chính                                                                                                                                                                                                             | Giấy phép đầu tư                                                                                                                                                                            | % vốn<br>sở hữu | Số tiền          |                   |
|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|-------------------|
|                                                                              |                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                             |                 | 30/6/2010<br>VNĐ | 31/12/2009<br>VNĐ |
| Các công ty con                                                              |                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                             |                 |                  |                   |
| Công ty TNHH<br>Sài Gòn Ô tô<br>(SAIGON<br>FORD)                             | Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu FORD.<br>Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô,<br>dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.                                                                                                    | Giấy phép Kinh doanh số 4102001544 do Sở<br>Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí<br>Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, điều<br>chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và 26<br>tháng 4 năm 2005.     | 52,05%          | 6.952.245.883    | 6.952.245.883     |
| Công ty Liên<br>doanh Toyota<br>Giải Phóng<br>(TGP)                          | Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA.<br>Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô,<br>dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.                                                                                                  | Giấy phép Kinh doanh số 14/GP-HN do Ủy<br>Ban Nhân Dân Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1<br>năm 1998.                                                                                              | 51%             | 9.248.504.000    | 9.248.504.000     |
| Công ty TNHH<br>Đông Đô Thành<br>(GM<br>DAEWOO)                              | Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu GM-Daewoo<br>Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì,<br>sửa chữa ô tô.                                                                                                              | Giấy phép Kinh doanh số 4102014294 do<br>Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí<br>Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, điều<br>chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003.                               | 55%             | 4.400.000.000    | 4.400.000.000     |
| Công ty TNHH<br>Dịch vụ và Bán<br>lẻ tự động<br>Savico Iagripo<br>(Savico-R) | Kinh doanh động cơ điện, máy bán hàng tự<br>động, phụ tùng, bán và cho thuê máy bán hàng<br>tự động, tư vấn, vận tải nội địa, bưu chính và<br>viễn thông, quảng cáo cho các doanh nghiệp, và<br>dịch vụ cho thuê văn phòng. | Giấy phép Kinh doanh số 4102034948 do<br>Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí<br>Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2005 và<br>điều chỉnh ngày 19 tháng 1 năm 2006 và 12<br>tháng 10 năm 2007. | 99%             | 9.900.000.000    | 9.900.000.000     |



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

| <b>Tên</b>                                                           | <b>Hoạt động chính</b>                                                                                                                                                                                                                                      | <b>Giấy phép đầu tư</b>                                                                                                                                        | <b>% vốn<br/>sở hữu</b> | <b>Số tiền</b>           |                           |
|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------|---------------------------|
|                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                |                         | <b>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>31/12/2009<br/>VNĐ</b> |
| Công ty Cổ<br>phần Ôtô Thành<br>phố<br>(HYUNDAI)                     | Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu Hyundai.<br>Mua, bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì,<br>sửa chữa ô tô.                                                                                                                                              | Giấy phép Kinh doanh số 0309553786 do<br>Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí<br>Minh cấp ngày 03 tháng 11 năm 2009.                                         | 51%                     | 5.100.000.000            | 5.100.000.000             |
| Công ty TNHH<br>Thương mại<br>Dịch vụ Sài Gòn<br>(YAMAHA Cần<br>Thơ) | Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu<br>YAMAHA.<br>Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì,<br>sửa chữa xe gắn máy.                                                                                                                                 | Giấy phép Kinh doanh số 5702001169 do<br>Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp<br>ngày 11 tháng 8 năm 2006.                                                   | 64%                     | 3.500.000.000            | 2.800.000.000             |
| Công ty Cổ<br>phần Sài Gòn<br>Ngôi Sao                               | Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu<br>SUZUKI.<br>Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì,<br>sửa chữa xe gắn máy.                                                                                                                                 | Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do<br>Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí<br>Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007 và điều<br>chỉnh ngày 28 tháng 5 năm 2008. | 55%                     | 8.250.050.000            | 8.250.050.000             |
| Công ty TNHH<br>TMDV Sài Gòn<br>Viễn Đông (*)                        | Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu<br>HONDA.<br>Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì,<br>sửa chữa xe gắn máy.                                                                                                                                  | Giấy phép Kinh doanh số 4102055390 do<br>Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí<br>Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007.                                         | 55%                     | -                        | -                         |
| Công ty Cổ<br>phần Savico Hà<br>Nội                                  | Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ<br>khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp,<br>đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất<br>nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và<br>bảo trì xe hơi, cho thuê máy, dịch vụ vận<br>chuyển và đậu xe. | Giấy phép Kinh doanh số 0103018056 do<br>Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19<br>tháng 6 năm 2007 và điều chỉnh ngày 12<br>tháng 9 năm 2007.               | 70%                     | 35.000.000.000           | 35.000.000.000            |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

| <b>Tên</b>                          | <b>Hoạt động chính</b>                                                                                                                                                                | <b>Giấy phép đầu tư</b>                                                                        | <b>% vốn<br/>sở hữu</b> | <b>Số tiền</b>           |                           |
|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------|---------------------------|
|                                     |                                                                                                                                                                                       |                                                                                                |                         | <b>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>31/12/2009<br/>VNĐ</b> |
| Công ty Cổ<br>phần Ô tô Sông<br>Hàn | Chuyên cung cấp và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và các phụ tùng. Kinh doanh động cơ điện, vật liệu xây dựng cao ốc; đại lý thương mại và ủy thác, cho thuê ô tô và dịch vụ vận chuyển. | Giấy phép Kinh doanh số 0401337755 do Sở Kế hoạch và đầu tư cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010.       | 51%                     | 2.950.000.000            | -                         |
| Công ty TNHH<br>Toyota Cần Thơ      | Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.                                                                  | Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007. | 51%                     | 25.309.668.000           | 25.309.668.000            |
|                                     |                                                                                                                                                                                       |                                                                                                |                         | <b>110.610.467.883</b>   | <b>106.960.467.883</b>    |

**Các công ty liên kết**

|                                                                             |                                                                                                                 |                                                                                                                                                        |        |               |               |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------|---------------|
| Công ty TNHH<br>Siêu xe                                                     | Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô.                                                 | Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008. | 37,5%  | 2.400.000.000 | 2.400.000.000 |
| Công ty TNHH<br>Thương Mại<br>Dịch vụ Tổng<br>hợp Bến Thành<br>Savico (SYM) | Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu SYM. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy. | Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.                                        | 37,33% | 1.120.000.000 | 1.120.000.000 |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

| Tên                                             | Hoạt động chính                                                                                                      | Giấy phép đầu tư                                                                                                                                                                    | % vốn sở hữu | Số tiền          |                   |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|-------------------|
|                                                 |                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                     |              | 30/6/2010<br>VNĐ | 31/12/2009<br>VNĐ |
| Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)                | Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu FORD. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.   | Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007.                                                | 40,27%       | 3.221.600.000    | 3.221.600.000     |
| Công ty liên doanh Comfort Delgro Savico Taxi   | Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.                                   | Giấy phép Đầu tư số 824/GP-HCM do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.                                                                               | 40,19%       | 31.750.000.000   | 31.750.000.000    |
| Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC)              | Xây dựng dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ giải trí.                           | Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.                                                                      | 49%          | 1.526.885.279    | 1.526.885.279     |
| Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)      | Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô. | Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003 và điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005 và ngày 14 tháng 11 năm 2007. | 35,16%       | 16.798.709.000   | 16.798.709.000    |
| Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội | Kinh doanh, tư vấn và đấu thầu bất động sản, quảng cáo.                                                              | Giấy phép Kinh doanh số 0309535441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 1 năm 2010.                                                                                            | 49%          | 2.940.000.000    | -                 |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

| Tên                          | Hoạt động chính                                                                             | Giấy phép đầu tư                                                                                        | % vốn<br>sở hữu | Số tiền          |                   |
|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|-------------------|
|                              |                                                                                             |                                                                                                         |                 | 30/6/2010<br>VNĐ | 31/12/2009<br>VNĐ |
| Công ty TNHH Savico-Vinaland | Xây dựng và quản lý trung tâm thương mại, cung cấp thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan. | Giấy phép Đầu tư số 411022000214 do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 10 năm 2008. | 49,50%          | 164.043.000.000  | 164.043.000.000   |
|                              |                                                                                             |                                                                                                         |                 | 223.800.194.279  | 220.860.194.279   |

(\*) Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông là công ty con của Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao. Công ty có quyền kiểm soát gián tiếp, nhưng không trực tiếp góp vốn, đối với Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****14. Tài sản thuế hoãn lại**

|                        | <b>30/6/2010</b><br><b>VNĐ</b> | <b>31/12/2009</b><br><b>VNĐ</b> |
|------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| Lỗ tính thuế mang sang | 9.840.343.583                  | 10.343.542.460                  |
| Chi phí trích trước    | 559.115.827                    | 559.115.827                     |
|                        | <hr/>                          | <hr/>                           |
|                        | 10.399.459.410                 | 10.902.658.287                  |
|                        | <hr/>                          | <hr/>                           |

**15. Vay ngắn hạn**

|                                         | <b>30/6/2010</b><br><b>VNĐ</b> | <b>31/12/2009</b><br><b>VNĐ</b> |
|-----------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| Vay ngắn hạn có đảm bảo                 | 168.746.039.408                | 1.807.919.000                   |
| Vay ngắn hạn không có đảm bảo           | 1.800.000.000                  | 35.000.000.000                  |
|                                         | <hr/>                          | <hr/>                           |
|                                         | 170.546.039.408                | 36.807.919.000                  |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21) | 89.391.112.000                 | 35.675.193.000                  |
|                                         | <hr/>                          | <hr/>                           |
|                                         | 259.937.151.408                | 72.483.112.000                  |
|                                         | <hr/>                          | <hr/>                           |

Vay ngắn hạn có đảm bảo bởi khoản đầu tư dài hạn với mệnh giá 90.268 triệu VNĐ (31/12/2009: đảm bảo bởi khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn với mệnh giá lần lượt là 7.800 triệu VNĐ và 60.730 triệu VNĐ).

Các khoản vay ngắn hạn chịu lãi suất từ 3,6% đến 18% (2009: từ 3,6% đến 18%) một năm.

**16. Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước**

|                            | <b>30/6/2010</b><br><b>VNĐ</b> | <b>31/12/2009</b><br><b>VNĐ</b> |
|----------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng      | 26.763.562                     | 11.818.550                      |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 778.690.759                    | 769.083.978                     |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | -                              | 8.937.419.136                   |
|                            | <hr/>                          | <hr/>                           |
|                            | 805.454.321                    | 9.718.321.664                   |
|                            | <hr/>                          | <hr/>                           |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**17. Chi phí trích trước**

|                 | <b>30/6/2010</b><br><b>VNĐ</b> | <b>31/12/2009</b><br><b>VNĐ</b> |
|-----------------|--------------------------------|---------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 1.953.972.444                  | 698.291.969                     |
| Chi phí thuê    | 1.397.396.865                  | 2.442.681.389                   |
| Phí kiểm toán   | -                              | 660.123.750                     |
| Chi phí khác    | 232.510.386                    | 1.431.448.131                   |
|                 | <hr/>                          | <hr/>                           |
|                 | 3.583.879.695                  | 5.232.545.239                   |
|                 | <hr/>                          | <hr/>                           |

**18. Phải trả khác**

|                                | <b>30/6/2010</b><br><b>VNĐ</b> | <b>31/12/2009</b><br><b>VNĐ</b> |
|--------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| Cổ tức phải trả                | 448.231.600                    | 12.854.437.200                  |
| Phải trả các bên liên quan (a) | 11.900.000.000                 | -                               |
| Hỗ trợ vốn từ bên thứ ba (b)   | 20.000.000.000                 | 20.000.000.000                  |
| Khác                           | 5.868.523.609                  | 6.217.230.971                   |
|                                | <hr/>                          | <hr/>                           |
|                                | 38.216.755.209                 | 39.071.668.171                  |
|                                | <hr/>                          | <hr/>                           |

- a. Phải trả công ty liên quan chịu lãi suất 14% một năm.
- b. Hỗ trợ vốn từ bên thứ ba chịu lãi suất 12% một năm (2009: 0,875% một tháng).

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

|                                     | <b>Kỳ sáu tháng kết<br/>thúc ngày 30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>Kỳ sáu tháng kết<br/>thúc ngày 30/6/2009<br/>VNĐ</b> |
|-------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| Số dư đầu kỳ                        | 4.868.845.230                                           | 5.584.990.650                                           |
| Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối | 5.604.490.192                                           | -                                                       |
| Sử dụng trong kỳ                    | (4.325.463.216)                                         | (304.645.420)                                           |
| Số dư trong kỳ                      | 6.147.872.206                                           | 5.280.345.230                                           |

Phân bổ lợi nhuận trong kỳ bao gồm 2.949 triệu VNĐ (kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2009: không) là khoản tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

**20. Nợ dài hạn khác**

|                          | <b>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>31/12/2009<br/>VNĐ</b> |
|--------------------------|--------------------------|---------------------------|
| Ký quỹ dài hạn nhận được | 9.652.613.395            | 10.011.121.947            |
| Phải trả dài hạn khác    | 118.522.584.567          | 128.233.824.329           |
|                          | 128.175.197.962          | 138.244.946.276           |

**21. Vay dài hạn**

|                                                  | <b>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>31/12/2009<br/>VNĐ</b> |
|--------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| Vay dài hạn không đảm bảo                        | 34.000.000.000           | 49.537.878.075            |
| Vay dài hạn có đảm bảo                           | 188.788.126.075          | 283.145.325.879           |
|                                                  | 222.788.126.075          | 332.683.203.954           |
| Hoàn trả trong vòng 12 tháng<br>(Thuyết minh 15) | (89.391.112.000)         | (35.675.193.000)          |
| Hoàn trả sau 12 tháng                            | 133.397.014.075          | 297.008.010.954           |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Vay dài hạn có đảm bảo được đảm bảo bằng các tài sản dài hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 309.716 triệu VNĐ và đầu tư vào công ty liên kết có mệnh giá là 13.713 triệu VNĐ (31/12/2009: 291.911 triệu VNĐ và 13.713 triệu VNĐ).

Các khoản vay dài hạn này chịu lãi suất từ 14,7% đến 15,2% (31/12/2009: từ 10,5% đến 14,1%) một năm.

Thời hạn hoàn trả các khoản vay dài hạn như sau:

|                    | <b>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>31/12/2009<br/>VNĐ</b> |
|--------------------|--------------------------|---------------------------|
| Trong vòng một năm | 89.391.112.000           | 35.675.193.000            |
| Từ hai đến năm năm | 48.018.515.504           | 222.567.125.954           |
| Trên năm năm       | 85.378.498.571           | 74.440.885.000            |
|                    | <hr/>                    | <hr/>                     |
|                    | 222.788.126.075          | 332.683.203.954           |
|                    | <hr/>                    | <hr/>                     |

**22. Doanh thu chưa thực hiện**

|                                             | <b>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>31/12/2009<br/>VNĐ</b> |
|---------------------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| Doanh thu cho thuê đất từ Toyota Cần Thơ    | 61.000.000.000           | 61.000.000.000            |
| Doanh thu cho thuê đất từ Savico – Vinaland | 95.397.412.500           | 96.519.735.000            |
| Khác                                        | 496.629.981              | 285.850.142               |
|                                             | <hr/>                    | <hr/>                     |
|                                             | 156.894.042.481          | 157.805.585.142           |
|                                             | <hr/>                    | <hr/>                     |



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

|                                  | <b>30/6/2010</b>   |                 | <b>31/12/2009</b>  |                 |
|----------------------------------|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|                                  | <b>Số cổ phiếu</b> | <b>VNĐ</b>      | <b>Số cổ phiếu</b> | <b>VNĐ</b>      |
| Vốn cổ phần đã được duyệt        | 24.995.573         | 249.955.730.000 | 24.995.573         | 249.955.730.000 |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành  | 24.995.573         | 249.955.730.000 | 24.995.573         | 249.955.730.000 |
| Cổ phiếu ngân quỹ                | (13.615)           | (467.729.002)   | (1)                | (16.000)        |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 24.981.958         | 249.488.000.998 | 24.995.572         | 249.955.714.000 |

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị gián đoạn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong kỳ như sau:

|                                    | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày<br/>30/6/2010</b> |                 | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày<br/>30/6/2009</b> |                 |
|------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------|-----------------|
|                                    | <b>Số cổ phiếu</b>                              | <b>VNĐ</b>      | <b>Số cổ phiếu</b>                              | <b>VNĐ</b>      |
| Số dư đầu kỳ                       | 24.995.572                                      | 249.955.714.000 | 20.139.979                                      | 200.065.653.723 |
| Cổ phiếu ngân quỹ mua lại trong kỳ | (13.614)                                        | (467.713.002)   | -                                               | -               |
| Số dư cuối kỳ                      | 24.981.958                                      | 249.488.000.998 | 20.139.979                                      | 200.065.653.723 |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****24. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

|                               | <b>Kỳ ba tháng kết thúc ngày</b> |                  | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> |                  |
|-------------------------------|----------------------------------|------------------|-----------------------------------|------------------|
|                               | <b>30/6/2010</b>                 | <b>30/6/2009</b> | <b>30/6/2010</b>                  | <b>30/6/2009</b> |
|                               | <b>VNĐ</b>                       | <b>VNĐ</b>       | <b>VNĐ</b>                        | <b>VNĐ</b>       |
| Tổng doanh thu                |                                  |                  |                                   |                  |
| ▪ Bán hàng                    | 21.889.417.161                   | 9.594.376.305    | 37.850.346.174                    | 16.531.887.671   |
| ▪ Dịch vụ                     | 3.198.167.220                    | 2.995.504.692    | 6.073.732.432                     | 6.224.557.420    |
| ▪ Dịch vụ bất động sản đầu tư | 7.870.414.276                    | 36.780.602.722   | 14.639.684.523                    | 62.947.034.875   |
|                               | 32.957.998.657                   | 49.370.483.719   | 58.563.763.129                    | 85.703.479.966   |
| Các khoản giảm trừ            | (17.081.840)                     | (30.702.212)     | (37.717.466)                      | (58.090.112)     |
| Doanh thu thuần               | 32.940.916.817                   | 49.339.781.507   | 58.526.045.663                    | 85.645.389.854   |

**25. Giá vốn hàng bán**

|                                      | <b>Kỳ ba tháng kết thúc ngày</b> |                  | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> |                  |
|--------------------------------------|----------------------------------|------------------|-----------------------------------|------------------|
|                                      | <b>30/6/2010</b>                 | <b>30/6/2009</b> | <b>30/6/2010</b>                  | <b>30/6/2009</b> |
|                                      | <b>VNĐ</b>                       | <b>VNĐ</b>       | <b>VNĐ</b>                        | <b>VNĐ</b>       |
| Hàng hóa đã bán                      | 20.289.795.225                   | 8.868.189.551    | 34.817.324.069                    | 15.997.676.215   |
| Dịch vụ cung cấp                     | 5.941.812.394                    | 2.904.519.558    | 9.052.522.066                     | 6.929.815.662    |
| Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư | 1.021.595.049                    | 865.087.146      | 1.915.748.004                     | 1.927.425.681    |
| Tài sản cố định thanh lý             | -                                | 364.301.672      | -                                 | 1.450.977.100    |
|                                      | 27.253.202.668                   | 13.002.097.927   | 45.785.594.139                    | 26.305.894.658   |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****26. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                    | <b>Kỳ ba tháng kết thúc ngày</b> |                  | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> |                  |
|------------------------------------|----------------------------------|------------------|-----------------------------------|------------------|
|                                    | <b>30/6/2010</b>                 | <b>30/6/2009</b> | <b>30/6/2010</b>                  | <b>30/6/2009</b> |
|                                    | <b>VNĐ</b>                       | <b>VNĐ</b>       | <b>VNĐ</b>                        | <b>VNĐ</b>       |
| Thu lãi tiền gửi                   | 113.229.480                      | 195.672.528      | 760.050.251                       | 217.533.626      |
| Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán | 255.436.000                      | 2.697.025.400    | 521.121.000                       | 2.697.025.400    |
| Cổ tức                             | 2.594.371.430                    | 3.641.885.813    | 4.673.831.830                     | 3.789.010.613    |
| Khác                               | 9.649.216.639                    | -                | 9.651.010.886                     | -                |
|                                    | 12.612.253.549                   | 6.534.583.741    | 15.606.013.967                    | 6.703.569.639    |

**27. Chi phí hoạt động tài chính**

|                                               | <b>Kỳ ba tháng kết thúc ngày</b> |                  | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> |                  |
|-----------------------------------------------|----------------------------------|------------------|-----------------------------------|------------------|
|                                               | <b>30/6/2010</b>                 | <b>30/6/2009</b> | <b>30/6/2010</b>                  | <b>30/6/2009</b> |
|                                               | <b>VNĐ</b>                       | <b>VNĐ</b>       | <b>VNĐ</b>                        | <b>VNĐ</b>       |
| Chi phí lãi vay từ ngân hàng                  | 9.804.252.186                    | 5.590.696.022    | 15.986.082.226                    | 17.178.693.589   |
| Lỗ từ kinh doanh chứng khoán                  | 178.088.939                      | 29.723.768.450   | 397.121.000                       | 29.723.768.450   |
| Dự phòng đầu tư ngắn hạn và dài hạn           | 9.932.125.996                    | 26.344.375.174   | 9.932.125.996                     | 26.344.375.174   |
| Hoàn nhập dự phòng đầu tư ngắn hạn và dài hạn | (19.277.881.912)                 | (52.623.633.495) | (19.277.881.912)                  | (52.623.633.495) |
| Chi phí kinh doanh chứng khoán                | 57.329.601                       | 197.598.338      | 57.329.601                        | 219.266.518      |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá                          | 4.869.688                        | 28.280.113       | 90.965.152                        | 65.092.113       |
|                                               | 698.784.498                      | 9.261.084.602    | 7.185.742.063                     | 20.907.562.349   |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****28. Thu nhập khác**

|                                              | <b>Kỳ ba tháng kết thúc ngày</b> |                  | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> |                  |
|----------------------------------------------|----------------------------------|------------------|-----------------------------------|------------------|
|                                              | <b>30/6/2010</b>                 | <b>30/6/2009</b> | <b>30/6/2010</b>                  | <b>30/6/2009</b> |
|                                              | <b>VNĐ</b>                       | <b>VNĐ</b>       | <b>VNĐ</b>                        | <b>VNĐ</b>       |
| Thu nhập từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang | 3.797.040.000                    | -                | 3.797.040.000                     | 545.454.540      |
| Thu nhập từ dự án Savico – Vinaland          | 1.122.322.500                    | -                | 1.122.322.500                     | -                |
| Thu nhập khác                                | 76.137.952                       | 289.543.108      | 1.992.223.248                     | 546.573.209      |
|                                              | 1.198.460.452                    | 289.543.108      | 6.911.585.748                     | 1.092.027.749    |

Thu nhập từ dự án Savico – Vinaland liên quan đến lãi do đánh giá quyền khai thác dự án đem góp vốn vào Savico – Vinaland, một công ty liên kết.

**29. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

|                                         | <b>Kỳ ba tháng kết thúc ngày</b> |                  | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> |                  |
|-----------------------------------------|----------------------------------|------------------|-----------------------------------|------------------|
|                                         | <b>30/6/2010</b>                 | <b>30/6/2009</b> | <b>30/6/2010</b>                  | <b>30/6/2009</b> |
|                                         | <b>VNĐ</b>                       | <b>VNĐ</b>       | <b>VNĐ</b>                        | <b>VNĐ</b>       |
| <b>Chi phí thuế hiện hành</b>           |                                  |                  |                                   |                  |
| Kỳ hiện hành                            | -                                | 5.126.521.753    | -                                 | 9.438.083.070    |
| <b>Chi phí thuế hoãn lại</b>            |                                  |                  |                                   |                  |
| Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời |                                  | 2.609.727.038    | -                                 | 2.609.727.038    |
| Lỗi tính thuế đã sử dụng                | 503.198.877                      | -                | 503.198.877                       | -                |
|                                         | 503.198.877                      | 2.609.727.038    | 503.198.877                       | 2.609.727.038    |
| Chi phí thuế thu nhập                   | 503.198.877                      | 7.736.248.791    | 503.198.877                       | 12.047.810.108   |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

|                                                             | <b>Kỳ ba tháng kết thúc ngày<br/>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày<br/>30/6/2009<br/>VNĐ</b> | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày<br/>30/6/2010<br/>VNĐ</b> | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày<br/>30/6/2009<br/>VNĐ</b> |
|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế                                        | 12.999.252.802                                         | 28.653.933.052                                          | 15.901.192.728                                          | 35.967.484.998                                          |
| Thuế theo thuế suất thuế<br>thu nhập áp dụng cho Công<br>ty | 3.249.813.200                                          | 7.163.483.263                                           | 3.975.298.182                                           | 8.991.871.250                                           |
| Ảnh hưởng của chênh lệch<br>thuế suất trên thu nhập<br>khác | -                                                      | 644.400.360                                             | -                                                       | 1.769.756.091                                           |
| Doanh thu không chịu thuế                                   | (2.746.614.323)                                        | -                                                       | (3.472.099.305)                                         | (947.252.653)                                           |
| Ghi giảm tài sản thuế thu<br>nhập hoãn lại                  | -                                                      | -                                                       | -                                                       | 5.380.590.357                                           |
| Ảnh hưởng của việc ưu đãi<br>thuế                           | -                                                      | (71.634.832)                                            | -                                                       | (3.147.154.937)                                         |
|                                                             | 503.198.877                                            | 7.736.248.791                                           | 503.198.877                                             | 12.047.810.108                                          |

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, hoạt động của Công ty thỏa mãn định nghĩa doanh nghiệp nhỏ và vừa, do đó Công ty được giảm 30 phần trăm chi phí thuế thu nhập hiện hành cho quý bốn của năm 2008 và cả năm 2009. Khoản thuế được giảm cho quý bốn năm 2008 được tính dựa trên một phần tư lợi nhuận chịu thuế của năm theo hướng dẫn trong Thông tư 03.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định trong Giấy phép kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty được giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm, từ 2007 đến 2011.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

|                          | <b>Kỳ ba tháng kết thúc ngày</b> |                  | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> |                  |
|--------------------------|----------------------------------|------------------|-----------------------------------|------------------|
|                          | <b>30/6/2010</b>                 | <b>30/6/2009</b> | <b>30/6/2010</b>                  | <b>30/6/2009</b> |
|                          | <b>VNĐ</b>                       | <b>VNĐ</b>       | <b>VNĐ</b>                        | <b>VNĐ</b>       |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | 12.496.053.925                   | 20.917.684.261   | 15.397.993.851                    | 23.919.674.890   |

**(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành**

|                                                                              | <b>Kỳ ba tháng kết thúc ngày</b> |                  | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> |                  |
|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------|-----------------------------------|------------------|
|                                                                              | <b>30/6/2010</b>                 | <b>30/6/2009</b> | <b>30/6/2010</b>                  | <b>30/6/2009</b> |
|                                                                              | <b>VNĐ</b>                       | <b>VNĐ</b>       | <b>VNĐ</b>                        | <b>VNĐ</b>       |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ                                       | 24.995.572                       | 20.139.979       | 24.995.572                        | 20.139.979       |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 6 năm 2010                              | (1.764)                          | -                | (882)                             | -                |
| Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối kỳ | 24.993.808                       | 20.139.979       | 24.994.690                        | 20.139.979       |

**31. Cổ tức**

Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 25 tháng 12 năm 2009 đã quyết định chia cổ tức là 12.498 triệu VNĐ (5% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 15 tháng 1 năm 2010, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

Đại hội Cổ đông của Công ty ngày 16 tháng 4 năm 2010 quyết định chia cổ tức là 24.996 triệu VNĐ (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 21 tháng 5 năm 2010, ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan****Các bên liên quan**

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

**Giao dịch với cán bộ quản lý chủ chốt**

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt là:

|                              | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> |                      |
|------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                              | <b>30/6/2010</b>                  | <b>30/6/2009</b>     |
|                              | <b>VNĐ</b>                        | <b>VNĐ</b>           |
| Thành viên Hội đồng Quản trị | 1.099.447.412                     | 689.359.150          |
| Thành viên Ban Giám đốc      | 544.979.790                       | 368.164.558          |
| Thành viên Ban Kiểm soát     | 104.805.311                       | 36.000.000           |
|                              | <b>1.749.232.513</b>              | <b>1.093.523.708</b> |

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

|                                          |                    |                               | <b>Giá trị giao dịch</b>          |                                   |
|------------------------------------------|--------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| <b>Các bên liên quan</b>                 | <b>Mối quan hệ</b> | <b>Tính chất giao dịch</b>    | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> |
|                                          |                    |                               | <b>30/6/2010</b>                  | <b>30/6/2009</b>                  |
|                                          |                    |                               | <b>VNĐ</b>                        | <b>VNĐ</b>                        |
| Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HUYNDAI) | Công ty con        | Tiền thuê thu từ công ty con  | 761.800.000                       | -                                 |
|                                          |                    | Phí tư vấn thu từ công ty con | 124.882.234                       | -                                 |
| Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao         | Công ty con        | Cổ tức thu từ công ty con     | 200.432.430                       | -                                 |
|                                          |                    | Tiền thuê thu từ công ty con  | 189.398.000                       | 387.677.000                       |
|                                          |                    | Mua hàng từ công ty con       | 644.897.882                       | 1.345.727.271                     |
|                                          |                    | Hoa hồng nhận từ công ty con  | 455.812.500                       | 389.975.500                       |
|                                          |                    | Vay từ công ty con            | 2.000.000.000                     | -                                 |
| Công ty TNHH Sài Gòn Ô Tô (SAIGON FORD)  | Công ty con        | Tiền thuê thu từ công ty con  | 1.287.037.580                     | 600.000.000                       |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

| <b>Các bên liên quan</b>                                  | <b>Mối quan hệ</b> | <b>Tính chất giao dịch</b>         | <b>Giá trị giao dịch</b>                        |                                                 |
|-----------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
|                                                           |                    |                                    | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ</b> | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ</b> |
| Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sài Gòn                   | Công ty con        | Góp vốn vào công ty con            | 700.000.000                                     | -                                               |
|                                                           |                    | Mua hàng hóa từ công ty con        | 1.590.835.454                                   | 3.476.081.818                                   |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ bán lẻ tự động Savico     | Công ty con        | Tiền thuê thu từ công ty con       | -                                               | 140.000.000                                     |
| Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn                             | Công ty con        | Góp vốn vào công ty con            | 2.950.000.000                                   | -                                               |
| Công ty Cổ phần Savico Hà Nội                             | Công ty con        | Nhận cổ tức từ công ty con         | -                                               | 852.766.667                                     |
| Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Khánh Hội Sài Gòn           | Công ty con        | Góp vốn vào công ty liên kết       | 2.940.000.000                                   | -                                               |
| Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn                       | Công ty liên kết   | Nhận cổ tức từ công ty liên kết    | 808.974.928                                     | -                                               |
|                                                           |                    | Khoản vay từ công ty liên kết      | 9.000.000.000                                   | -                                               |
|                                                           |                    | Bán hàng hóa cho công ty liên kết  | -                                               | 132.484.000                                     |
| Công ty liên doanh Comfort Delgro Savico Taxi             | Công ty liên kết   | Tiền thuê thu từ công ty liên kết  | 1.034.643.600                                   | 1.073.352.060                                   |
|                                                           |                    | Bán xe ô tô cho công ty liên kết   | -                                               | 971.980.200                                     |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico | Công ty liên kết   | Hoa hồng nhận từ công ty liên kết  | 625.372.000                                     | 844.803.300                                     |
|                                                           |                    | Khoản vay từ công ty liên kết      | 900.000.000                                     | -                                               |
| Công ty TNHH Savico – Vinaland                            | Công ty liên kết   | Phí tư vấn thu từ công ty liên kết | 805.958.704                                     | -                                               |



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****33. Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

|                    | <b>30/6/2010</b><br><b>VNĐ</b> | <b>31/12/2009</b><br><b>VNĐ</b> |
|--------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| Trong vòng một năm | 6.573.726.288                  | 4.627.295.160                   |
| Từ hai đến năm năm | 22.382.106.512                 | 7.922.460.192                   |
| Trên năm năm       | 11.360.875.758                 | 12.947.111.214                  |
|                    | <hr/>                          | <hr/>                           |
|                    | 40.316.708.558                 | 25.496.866.566                  |

**34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

|                                | <b>Kỳ sáu tháng</b><br><b>kết thúc ngày</b><br><b>30/6/2010</b><br><b>VNĐ</b> | <b>Kỳ sáu tháng</b><br><b>kết thúc ngày</b><br><b>30/6/2009</b><br><b>VNĐ</b> |
|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Chi phí mua hàng hóa           | 34.817.324.069                                                                | 15.997.676.215                                                                |
| Chi phí nhân công và nhân viên | 5.214.295.215                                                                 | 4.700.023.831                                                                 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ    | 2.686.926.878                                                                 | 2.858.057.798                                                                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài      | 11.995.935.739                                                                | 9.787.237.336                                                                 |
| Các chi phí khác               | 2.476.950.944                                                                 | 2.607.489.714                                                                 |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**35. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày kỳ hiện hành như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

|                                              | 31/12/2009<br>(Phân loại lại)<br>VNĐ | 31/12/2009<br>(như đã báo cáo<br>trước đây)<br>VNĐ |
|----------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi (nợ hiện hành)   | 4.868.845.230                        | -                                                  |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi (vốn chủ sở hữu) | -                                    | 4.868.845.230                                      |
| Phải trả khác                                | 39.071.668.171                       | 42.509.184.990                                     |
| Nợ dài hạn khác                              | 138.244.946.276                      | 292.613.014.599                                    |
| Doanh thu chưa thực hiện                     | 157.805.585.142                      | -                                                  |

Người lập:



Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2010